

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	718.878	350.656	48,78%	1000,45%
1	Lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện	4.000	781	19,53%	104,41%
2	Phí sử dụng tần số vô tuyến điện	714.878	349.875	48,94%	1019,98%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	9.120	67	0,73%	0,29%
I	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hành chính	9.120	67	0,73%	0,29%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.120	67	0,73%	0,29%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	718.878	350.656	48,78%	1000,45%
1	Lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện	4.000	781	19,53%	104,41%
2	Phí sử dụng tần số vô tuyến điện	714.878	349.875	48,94%	1019,98%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	162.288	10.631	6,55%	0%
I	Nguồn ngân sách trong nước	162.288	10.631	6,55%	0%
I	Chi quản lý hành chính	162.288	10.631	6,55%	0%
I.1	Chi thường xuyên, tự chủ (mã nguồn 13)	85.458	10.631	12,44%	0%
	Quỹ lương và thu nhập	69.178	10.475	15,14%	0%

	Chi hoạt động thường xuyên theo biên chế	16.280	156	0,96%	0%
1.2	Quỹ thường theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	3.155	0	0%	0%
1.3	Chi thường xuyên, không tự chủ (mã nguồn 12)	73.675	0	0%	0%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

*Ghi chú: * Số liệu được tổng hợp đến hết 19/03/2025.*

** Chi thường xuyên, không tự chủ (mã nguồn 12) đã được giao dự toán nhưng chưa được cấp kinh phí.*

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2025

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Phương Anh